TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2020/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 30tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứcác Điều 212, Điều 213 và Điều 397Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số152/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Châu Đức H**; sinh năm 1973; Đăng ký thường trú: Tổ 1, P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ liên hệ: Số 65/32/10 đường N, Khóm 3, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Võ Thị Thu T**; sinh năm 1973;Địa chỉ: Số 65/32/10 đường N, Khóm 3, Phường 3, thành phố S, thành phố S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu Tđồng ý thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

[2]. Về con chung: Ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu Tthống nhất giao bà Võ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Châu Võ Minh H, sinh ngày 10/08/2003; Châu Võ Minh H1, sinh ngày 16/12/2010 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Ông Châu Đức H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Đức H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai

cháu Châu Võ Minh H, sinh ngày 10/08/2003; Châu Võ Minh H1, sinh ngày 16/12/2010 mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản H giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu T.

- Về con chung: Giao bà Võ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Châu Võ Minh H, sinh ngày 10/08/2003; Châu Võ Minh H1, sinh ngày 16/12/2010 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Ông Châu Đức H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Đức H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Châu Võ Minh H, sinh ngày 10/08/2003; Châu Võ Minh H1, sinh ngày 16/12/2010 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu T đã nộp, mỗi người 150.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001527 ngày 13 tháng 12 năm 2019 và số0001528 ngày 12 tháng 12 năm 2019của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên ông Châu Đức H và bà Võ Thị Thu Tđã nộp đủ số tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Lâm Tấn Vinh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân Hện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân Hện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân Hện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản H giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].